

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO:9001-2015

ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP
NGÀNH KIẾN TRÚC

Giáo viên hướng dẫn: TH.S-KTS.CHU ANH TÚ

Sinh viên thực hiện : PHẠM TIẾN DƯ

Hải Phòng 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

BẢO TÀNG LỊCH SỬ HẢI PHÒNG

ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

NGÀNH KIẾN TRÚC

Sinh viên : PHẠM TIẾN DƯ

Giáo viên hướng dẫn: TH.S-KTS. CHU ANH TÚ

HẢI PHÒNG 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

Sinh viên: PHẠM TIẾN DƯ

Mã số: 1312109022

Lớp: XD1701K

Ngành: Kiến trúc

Tên đề tài: BẢO TÀNG LỊCH SỬ HẢI PHÒNG

LỜI CẢM ƠN

Trước tiên em xin gửi lời cảm ơn đến các thầy các cô đã tạo điều kiện thuận lợi để chúng em có thể hoàn thành đồ án tốt nghiệp này.

Sau những tháng khẩn trương nghiên cứu và thể hiện đến nay em đã hoàn thành đồ án của mình. Đây là thành quả cuối cùng của em sau 3 tháng nghiên cứu và học tập dưới sự dẫn dắt chỉ bảo nhiệt tình của các thầy cô trong trường.

Trong suốt quá trình làm đồ án chúng em đã nhận được sự hướng dẫn tận tình của các thầy cô trong trường. Đặc biệt em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn nhiệt tình, chu đáo của giảng viên hướng dẫn : Th.s .KTS: Chu Anh Tú đã giúp chúng em hoàn thành đồ án.

Mặc dù đã cố gắng hết sức nhưng với lượng kiến thức còn hạn hẹp nên chắc chắn đồ án của chúng em sẽ không tránh khỏi những sai sót...Em rất mong nhận được sự đóng góp, nhận xét và chỉ bảo thêm của các thầy cô .

PHẦN I: PHẦN MỞ ĐẦU

Khái quát về lịch sử Hải Phòng .

Hải Phòng là vùng đất đầu sóng, ngọn gió, “phên dậu” phía Đông của đất nước, có vị thế chiến lược trong toàn bộ tiến trình đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Người Hải Phòng với tinh thần yêu nước nồng nàn, tính cách dũng cảm, kiên cường, năng động, sáng tạo, đã từng chứng kiến và tham gia vào nhiều trận quyết chiến chiến lược trong chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Đây là vùng đất in đậm dấu ấn chống ngoại xâm trong suốt quá trình lịch sử 4000 năm của dân tộc Việt Nam, với các chiến thắng trên sông Bạch Đằng của Ngô Quyền năm 938, của Lê Hoàn năm 981, của Trần Hưng Đạo năm 1288...

Thời kỳ đầu - thế kỷ XVI

Theo các kết quả khảo cổ học Cái Bèo (Cát Bà) (thuộc văn hóa Hạ Long),[5] Tràng Kênh (Thủy Nguyên), Núi Voi (An Lão) (thuộc văn hóa Đông Sơn), đã xác định vùng đất này từ xưa là nơi đã có cư dân Việt cổ sinh tụ, làm ăn. Theo thư tịch cũ, toàn địa bàn xứ Đông (Hải Dương) xưa - bao gồm cả Hải Phòng ngày nay - thời Hùng Vương thuộc bộ Dương Tuyền, là một trong 15 bộ của nhà nước Văn Lang.

Dưới thời Bắc thuộc, những năm đầu Công nguyên, các vùng đất thuộc địa bàn Hải Phòng như nội thành Hải Phòng ngày nay, huyện Thủy Nguyên, huyện An Lão, huyện Tiên Lãng, huyện Vĩnh Bảo... theo truyền thuyết cũng như thần phả làng xã còn lưu truyền, là nơi nữ tướng Lê Chân (?-43) về gây dựng căn cứ và tuyển mộ nghĩa quân chống quân Đông Hán dưới ngọn cờ của Hai Bà Trưng. Nữ tướng Lê Chân cũng là người có công đầu trong việc khai phá lập nên trang An Biên xưa (còn được biết đến là trấn Hải Tàn Phòng Thủ) - tiền thân của thành phố Hải Phòng ngày nay.

Là nơi chiếm giữ vị trí chiến lược quan trọng, địa thế hiểm trở, là cửa ngõ vào Đại La - Thăng Long, các vương triều Việt Nam đã từng có những chiến tích lừng lẫy trong lịch sử chống lại sự xâm lược của láng giềng phương Bắc với các chiến thắng trên sông Bạch Đằng như trận Bạch Đằng, 938 của Ngô Quyền, trận Bạch Đằng, 981 của Lê Hoàn và trận Bạch Đằng, 1288 của Trần Hưng Đạo.

Thời Lê sơ, toàn bộ địa bàn Hải Phòng ngày nay thuộc trấn Hải Dương (một trong Thăng Long Tứ Trấn) hay còn được gọi là xứ Đông, và là miền duyên hải cực đông của xứ này.

[Type here]

Đầu thế kỷ XVI - cuối thế kỷ XVIII

Năm 1527, Mạc Đăng Dung lên ngôi, lập nên Nhà Mạc với trung tâm quyền lực đặt ở Thăng Long. Năm 1529, Mạc Thái Tổ (Mạc Đăng Dung) nhường ngôi cho con trai cả là Mạc Đăng Doanh để lui về quê hương Cổ Trai làm Thái Thượng Hoàng. Ông đã cho xây dựng làng Cổ Trai từ một làng chài ven biển thuộc huyện Nghi Dương, phủ Kinh Môn của trấn Hải Dương khi đó (ngày nay là xã Ngũ Đoan thuộc huyện Kiến Thụy của thành phố Hải Phòng) trở thành kinh đô thứ hai của Nhà Mạc (Dương Kinh) tồn tại đồng thời với trung tâm Thăng Long. Mạc Đăng Dung lấy Nghi Dương làm trung tâm của Dương Kinh, cắt phủ Thuận An ở trấn Kinh Bắc và các phủ Khoái Châu, Tân Hưng, Kiến Xương, Thái Bình ở trấn Sơn Nam cho lệ thuộc vào Dương Kinh. Mạc Đăng Dung vốn xuất thân từ cư dân làm nghề chài lưới và buôn bán ven biển, và Nhà Mạc thuộc số ít các triều đại phong kiến Việt Nam coi trọng phát triển công thương nghiệp, đặc biệt là nền kinh tế sản xuất hàng hóa (điển hình là đồ gốm sứ) thay vì tập trung chủ yếu vào kinh tế tiểu nông truyền thống.

Dương Kinh được xây dựng như một kinh đô thu nhỏ, với vai trò là kinh đô thứ hai của Nhà Mạc sau trung tâm quyền lực ở Thăng Long. Theo những mô tả của các bộ chính sử (Đại Việt sử ký toàn thư, Đại Việt thông sử), văn bia cổ còn lưu lại và hiện trường được phát lộ cùng khối lượng hiện vật phong phú thu được qua các đợt khai quật khảo cổ thì Dương Kinh bao gồm quần thể kiến trúc cung điện, lầu các với quy mô trải rộng như Các Dương Tự, điện Tường Quang, Phúc Huy, phủ Hưng Quốc, đồn binh, kho lương và cả một trường Quốc học song song với Quốc Tử Giám tại Thăng Long; ngoài ra còn có các đình, chùa được xây mới hoặc tu bổ, cùng với hệ thống đê bao ngăn nước mặn và chống lũ lụt. Ngoài ra, Nhà Mạc còn cho xây dựng một số thương cảng trên bến dưới thuyền làm nơi giao thương như phố Lỗ Minh Thị, An Quý, Do Nha. Khác với các cung điện ở Đình Bảng (Bắc Ninh) dưới thời Lý, Thiên Trường (Nam Định) dưới thời Trần, hay Lam Kinh (Thanh Hóa) thời Lê sơ vốn chủ yếu là nơi nghỉ ngơi, thờ tự của các vua chúa và hoàng tộc, Dương Kinh thời Mạc còn có vai trò như một trung tâm kinh tế, giao thương quan trọng nằm sát biển cùng với Thăng Long, Phố Hiến nằm khá sâu trong đất liền. Ngày nay, các nhà sử học Việt Nam có chung nhận định Dương Kinh thời Mạc không chỉ là kinh đô hướng biển mà còn là đô thị ven biển đầu tiên trong lịch sử Việt Nam.

Nhà Mạc thất thủ ở Thăng Long (1592), phải rút lên đất Cao Bằng, tướng Nhà Lê-Trịnh là Trịnh Tùng đã đem quân đốt phá, san phẳng các công trình kiến trúc được xây dựng thời Mạc trên địa bàn Dương Kinh. Trải qua hơn 200 năm sau

với các triều đại từ Lê Trung Hưng (Lê-Trịnh) đến Nhà Tây Sơn và cuối cùng là Nhà Nguyễn, địa bàn Hải Phòng bấy giờ nằm trong địa phận quản lý của trấn Hải Dương rồi tỉnh Hải Dương (1831) về sau.

Sau khi Dương Kinh triều Mạc bị phá hủy cuối thế kỷ XVI, tiếp đến giai đoạn Trịnh - Nguyễn phân tranh kéo dài suốt 2 thế kỷ XVII - XVIII đã hình thành nên sự phân chia Đàng Trong - Đàng Ngoài. Trong thời kỳ này, miền duyên hải thuộc địa bàn Hải Phòng ngày nay vẫn giữ một vai trò quan trọng trong quan hệ thương mại giữa xứ Đàng ngoài với các thuyền buôn phương Tây (đặc biệt là người Hà Lan và người Anh) bên cạnh sự hình thành và phát triển của Phố Hiến.

Trong những thư tịch của các nhà hàng hải, thương nhân châu Âu có liên quan đến xứ Đàng ngoài trong thế kỷ XVII - XVIII thì ngoài 2 đô thị chính lúc đó là Kẻ Chợ (Thăng Long) và phố Hiến còn nhắc nhiều đến 2 địa danh khác là Batshaw (còn được viết là Batsha) và Domea nằm trong khoảng vĩ độ 20°45' và 20°50' bắc thuộc vùng Đồ Sơn - Tiên Lãng ngày nay.

Domea, một cảng cửa khẩu quốc tế quan trọng của xứ Đàng ngoài,[6] đóng vai trò như tiền cảng của Phố Hiến, nơi hiếm hoi trên toàn lãnh thổ Việt Nam lúc đó, người nước ngoài, trong đó chủ yếu là người Hà Lan được thật sự tự do sinh sống và buôn bán. Trong thời kỳ này nhiều loại rau có nguồn gốc từ xứ lạnh như bắp cải, su hào, súp lơ... đã được các thuyền buôn Hà Lan mang tới và phổ biến cho dân địa phương cách gieo trồng. Di chỉ thương cảng Đồ Mè (Domea) ngày nay được hầu hết các nhà nghiên cứu lịch sử và khảo cổ xác định thuộc địa bàn làng An Dụ, xã Khởi Nghĩa, phía bắc huyện Tiên Lãng ngày nay.

Nhà hàng hải người Anh ở thế kỷ XVII là William Dampier có viết về Batsha (Batshaw) và Domea trong cuốn sách Du hành và Khám phá năm 1688. Theo Dampier viết, đi từ biển vào đầu tiên là qua Batsha, sau đến Domea, rồi đến Hean (phố Hiến) và cuối cùng là tới Cachao (Kẻ Chợ hay Thăng Long). Theo như mô tả của William Dampier, cư dân sống ở làng chài mang tên Batsha (thuộc khu vực bán đảo Đồ Sơn ngày nay) không chỉ làm nghề đánh cá mà còn làm hoa tiêu dẫn đường cho những thuyền buôn phương Tây vào vùng cửa sông Thái Bình thuộc khu vực các huyện Tiên Lãng và Vĩnh Bảo (Hải Phòng). Đây là khu vực chủ yếu ở Đàng Ngoài, nơi mà các thương thuyền đến từ phương Tây như Hà Lan hay Vương quốc Anh được tự do ra vào, buôn bán trao đổi hàng hoá và lưu trú lâu dài vào thời đó.

Nhưng không phải chỉ những nhà hàng hải hay thương nhân châu Âu mới chú ý đến vai trò của Batsha (Batshaw) trên con đường thương mại của xứ Đàng Ngoài mà đến cả những tên tuổi vĩ đại trong lịch sử khoa học như Isaac Newton và Pierre-Simon Laplace cũng nhắc đến địa danh Batsha trong các tác phẩm của họ bởi hiện tượng thủy triều đặc biệt ở vùng biển Đồ Sơn.

Trong tác phẩm khoa học kinh điển Principia Mathematica (tên gọi tắt là Các nguyên lý) của nhà vật lý kiêm toán học vĩ đại người Anh Isaac Newton xuất bản bằng tiếng Latin lần đầu vào năm 1687 có nhắc đến địa danh cảng Batsham nằm trong vĩ độ $20^{\circ}50'$ bắc, thuộc vương quốc Tunquini (xứ Đàng Ngoài), nơi mà thủy triều lên xuống chỉ một lần trong ngày.[7] Newton cũng cho biết ông có được thông tin đó từ những nhà hàng hải, những người có thể đã từng du hành tới Đàng Ngoài trong thế kỷ XVII.

Cuối thế kỷ XVIII, một nhà vật lý kiêm toán học vĩ đại khác là Pierre-Simon Laplace (người được giới khoa học mệnh danh là Newton của nước Pháp) đã nhắc lại hiện tượng thủy triều ở cảng Batsha của vương quốc Tunking (Tunquin) trong tác phẩm của ông xuất bản bằng tiếng Pháp năm 1796 có tựa đề Exposition du système du monde.[8]

Hơn 90 năm sau những ghi chép của William Dampier, Abbé Richard ở thế kỷ XVIII trong cuốn sách Lịch sử Đàng Ngoài xuất bản ở Paris (Pháp) năm 1778 với nhiều chi tiết mô tả về Domea: "Cách cửa sông 5 hoặc 6 hải lý có một thành phố khác gọi là Domea, nhỏ hơn Phố Hiến nhưng lại rất nổi tiếng với người nước ngoài và nó ở trong một cái vụng được tạo bởi dòng sông đối diện với nó. Họ thả neo và chỉ ở nơi này họ mới được phép đặt cơ sở để tiến hành buôn bán..."

Bản đồ châu Á của Johann Matthias Hase, xuất bản ở Nuremberg (Đức) năm 1744 cũng đánh dấu Domea như là một địa danh quan trọng ở khu vực xứ Đàng Ngoài.

Do những biến động của lịch sử Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XVIII cùng chính sách bế quan tỏa cảng của các triều đại phong kiến về sau đã làm cho hoạt động ngoại thương gần như đình trệ, kéo theo sự suy tàn của nhiều làng nghề sản xuất cùng những thương cảng quan trọng một thời, trong đó có Domea.

Đầu thế kỷ XIX

Sau khi Nhà Nguyễn chính thức được thành lập năm 1802 và kiểm soát gần như toàn bộ lãnh thổ Việt Nam như ngày nay nhưng ảnh hưởng về chính trị và kinh

tế của xứ Đàng Ngoài bao gồm phần lớn miền Bắc Việt Nam đã không còn như thời trước. Hệ quả của chính sách bế quan tỏa cảng của triều đình Huế cùng sự buông lỏng cai trị đối với phần Đông Bắc đất nước đã khiến nhiều vùng đất thuộc địa bàn Hải Phòng khi đó thường xuyên ở vào tình trạng bất ổn chính trị, đời sống nhân dân bấp bênh do thiên tai và nạn hải tặc từ miền nam Trung Hoa.

Phố Paul Bert nay là phố Điện Biên Phủ

Năm 1871 - 1873, Bùi Viện, được sự tiến cử với vua Tự Đức của Doanh điền sứ Doãn Khuê, đã thực hiện việc xây dựng một bến cảng bên cửa sông Cấm mang tên Ninh Hải và một căn cứ phòng ngự bờ biển ở liền kề bên, gọi là nha Hải phòng sứ[9].

Khi Pháp đánh chiến Bắc Kỳ lần thứ nhất năm 1873-1874, Nhà Nguyễn phải ký Hòa ước Giáp Tuất, trong đó quy định Nhà Nguyễn phải mở cửa thông thương các cảng Ninh Hải (Hải Phòng) thuộc tỉnh Hải Dương và Thị Nại tỉnh Bình Định, để đổi lấy việc Pháp rút quân khỏi Bắc Kỳ. Sau đó tại cảng Ninh Hải này, Nhà Nguyễn và Pháp lập nên một cơ quan thuế vụ chung, quản lý việc thương mại ở vùng cảng này gọi là Hải Dương thương chính quan phòng. Từ đây tên gọi Hải Phòng chính thức được nhắc đến về mặt địa lý.

Năm 1887, thực dân Pháp tách một số huyện ven biển của tỉnh Hải Dương nằm lân cận cảng Ninh Hải ra để thành lập tỉnh Hải Phòng. Ngày 19 tháng 7 năm 1888, Tổng thống Pháp Sadi Carnot ký sắc lệnh thành lập thành phố Hải Phòng - thành phố Hải Phòng chính thức có tên trên bản đồ Liên bang Đông Dương. Theo sắc lệnh thành phố Hải Phòng được tách ra từ tỉnh Hải Phòng, phần còn lại của tỉnh Hải Phòng lập thành tỉnh Kiến An.

Về mặt hành chính, thành phố Hải Phòng là một nhượng địa nên thời kỳ này thuộc quyền trực trị của Pháp thay vì dưới thể chế bảo hộ của xứ Bắc Kỳ. Vào cuối thời Pháp thuộc khoảng thập niên 1940, dân số Hải Phòng tính được 73.000 người, chiếm địa vị thành phố lớn thứ 4 sau Sài Gòn, Chợ Lớn, và Hà Nội.[10] Dưới thời Pháp thuộc, cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Hải Phòng đứng ngang hàng với Hà Nội, Sài Gòn, là thành phố cấp I. Là hải cảng lớn nhất của xứ Bắc Kỳ, đầu mối giao thông quan trọng trên đường hàng hải quốc tế và là một trung tâm công nghiệp, Hải Phòng đã trở thành một trong những cái nôi đánh dấu sự ra đời của giai cấp công nhân và phong trào công nhân Việt Nam đấu tranh chống lại sự áp bức bóc lột của thực dân Pháp. Hải Phòng là một trong những trung tâm của phong trào cách mạng cả nước trong các cao trào cách mạng 1930-1931, 1936-1939 và 1939-1945.

[Type here]

Từ 1945 đến nay

Từ ngày 15 tháng 8 năm 1945 đến ngày 25 tháng 8 năm 1945, chính quyền tay sai dưới chế độ thực dân rồi phát xít ở Hải Phòng, Kiến An (tỉnh) đã bị lực lượng cách mạng lật đổ, chính quyền cách mạng được thiết lập. Ngày 20 tháng 11 năm 1946, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ ở Hải Phòng.

Ngày 13 tháng 5 năm 1955, Hải Phòng được giải phóng hoàn toàn, chính quyền nhân dân tiếp quản thành phố từ tay quân đội Pháp. Kể từ đó, ngày 13 tháng 5 hằng năm được chọn làm ngày giải phóng thành phố.

Ngày 26 tháng 9 năm 1955, huyện Hải An của tỉnh Kiến An sáp nhập vào thành phố Hải Phòng.

Ngày 5 tháng 6 năm 1956, thị xã Cát Bà và huyện Cát Hải của khu Hồng Quảng sáp nhập vào thành phố Hải Phòng.

Ngày 22 tháng 7 năm 1957, chuyển thị xã Cát Bà thành huyện Cát Bà.

Ngày 5 tháng 7 năm 1961, khu vực nội thành được chia thành 3 khu phố mới là Hồng Bàng, Ngô Quyền và Lê Chân.[11]

Ngày 27 tháng 10 năm 1962, thành phố Hải Phòng như ngày nay được Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra quyết định thành lập trên cơ sở hợp nhất thành phố Hải Phòng cũ và tỉnh Kiến An.[12]

Ngày 10 tháng 4 năm 1963, thành lập thị xã Đồ Sơn trên cơ sở điều chỉnh địa giới huyện Kiến Thụy.[13]

Ngày 7 tháng 4 năm 1966, hợp nhất 2 huyện An Dương và Hải An thành huyện An Hải.[14]

Ngày 4 tháng 4 năm 1969, hợp nhất 2 huyện An Lão và Kiến Thụy thành huyện An Thụy.

Dân quận Đồ Sơn, Hải Phòng, cảng thành phố năm 1966 – tác giả: Mai Nam

Trong giai đoạn 1955-1975, với vai trò là thành phố Cảng lớn nhất miền Bắc, tiếp nhận phần lớn hàng viện trợ quốc tế và là căn cứ xuất phát của Đường Hồ Chí Minh trên biển. Vì vậy trong các cuộc leo thang đánh phá miền Bắc, máy bay của không quân Mỹ đã tập trung bắn phá ác liệt Hải Phòng, tiến hành phong tỏa Cảng, nhằm hủy diệt đầu mối giao thông vận tải, ngăn chặn chi viện của miền Bắc cho miền Nam và của quốc tế với Việt Nam. Nhiều nhà máy, công

trình xây dựng, bến cảng, đường giao thông, cầu phà và khu dân cư bị phá hủy hoàn toàn.

Kể từ trận đầu bắn rơi máy bay Mỹ trên đảo Bạch Long Vĩ (ngày 26 tháng 3 năm 1965) đến chiến thắng oanh liệt trong chiến dịch 12 ngày đêm cuối năm 1972, quân và dân Hải Phòng đã chiến đấu trên 4000 trận, bắn rơi 317 máy bay Mỹ (trong đó có 5 pháo đài bay B52), 28 lần bắn cháy tàu chiến của hải quân Mỹ. Do những thành tích trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thành phố đã được nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng nhất, Huân chương Kháng chiến hạng nhất, Huân chương Chiến công hạng nhất và Huân chương Sao vàng (1985).

Sau khi thống nhất đất nước (1975), Hải Phòng là một trong 3 thành phố trực thuộc trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (cùng với Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh).

Đầu năm 1976, Hải Phòng có 3 khu phố: Hồng Bàng, Lê Chân, Ngô Quyền; 2 thị xã: Đồ Sơn, Kiến An và 7 huyện: An Hải, An Thụy, Cát Bà, Cát Hải, Thủy Nguyên, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo.

Ngày 11 tháng 3 năm 1977, sáp nhập huyện Cát Bà vào huyện Cát Hải.[15]

Ngày 5 tháng 3 năm 1980, sáp nhập thị xã Đồ Sơn và 21 xã của huyện An Thụy thành huyện Đồ Sơn; sáp nhập thị xã Kiến An và 16 xã còn lại của huyện An Thụy thành huyện Kiến An.[16]

Ngày 3 tháng 1 năm 1981, đổi khu phố thành quận. Từ đó, Hải Phòng có 3 quận: Hồng Bàng, Lê Chân, Ngô Quyền và 7 huyện: An Hải, Cát Hải, Đồ Sơn, Kiến An, Thủy Nguyên, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo.

Ngày 6 tháng 6 năm 1988, chia huyện Đồ Sơn thành thị xã Đồ Sơn và huyện Kiến Thụy; chia huyện Kiến An thành thị xã Kiến An và huyện An Lão.[17]

Ngày 5 tháng 5 năm 1990, Hải Phòng được công nhận là đô thị loại 2.

Ngày 9 tháng 12 năm 1992, thành lập huyện đảo Bạch Long Vĩ.

Ngày 29 tháng 8 năm 1994, chuyển thị xã Kiến An thành quận Kiến An.[18]

Ngày 20 tháng 12 năm 2002, sáp nhập 2 xã Vĩnh Niệm và Dư Hàng Kênh của huyện An Hải về quận Lê Chân và chuyển thành 2 phường có tên tương ứng,

thành lập quận Hải An trên cơ sở tách 5 xã: Đằng Lâm, Đằng Hải, Đông Hải, Nam Hải, Trảng Cát thuộc huyện An Hải và phường Cát Bi thuộc quận Ngô Quyền, đổi tên phần còn lại của huyện An Hải thành huyện An Dương.[19]

Ngày 9 tháng 5 năm 2003, Hải Phòng được công nhận là đô thị loại 1 trực thuộc trung ương.[20]

Ngày 12 tháng 9 năm 2007, thành lập quận Dương Kinh trên cơ sở tách 6 xã: Anh Dũng, Hưng Đạo, Đa Phúc, Hải Thành, Tân Thành, Hòa Nghĩa thuộc huyện Kiến Thụy và chuyển thị xã Đồ Sơn thành quận Đồ Sơn.

Tên gọi "Hải Phòng"

Như vậy, nguồn gốc địa danh Hải Phòng có thể là từ:

Tên gọi rút ngắn trong cụm từ Hải tặc phòng thủ, của nữ tướng Lê Chân đầu thế kỷ I.

Tên gọi rút ngắn từ tên gọi của một cơ quan đòi Tự Đức trên đất Hải Dương: Hải Dương thương chính quan phòng

Tên Hải Phòng có thể bắt nguồn từ ti sở nha Hải phòng sứ hay đồn Hải Phòng do Bùi Viện lập từ năm 1871 đòi Tự Đức, với căn cứ như sau: "Bến cảng trên sông Cấm trước khi gọi là Hải Phòng đã được gọi là Ninh Hải, địa danh Ninh Hải được dùng chính thức trong giấy tờ, sử sách của ta từ trước khi có tên Hải Phòng cho đến khi bị tên Hải Phòng loại hẳn".[22]

Trong quá khứ bom đạn, người Hải Phòng gắn bó với những cái tên nhà "máy Tor", "máy Chai", "máy Bát", "máy Chi",..., rồi cơ khí như nhà máy cơ khí "Ca-rông", "Com-ben", "Sắc-rích",..., các rạp chiếu phim "Khánh Nạp", "Công Nhân", các con phố, đường, những tên ngõ "Đất Đỏ" (nay là ngõ Hoàng Quý), ngõ "Lửa Hồng", ngõ "Đá"... Có 2 câu thơ

“ Hải Phòng có bến Sáu kho
Có sông Tam Bạc có lò Xi măng ”

PHẦN II: NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1: Nội dung thiết kế công trình.

[Type here]

- Vị trí khu đất

+ Địa điểm : Đường Láng Hạ - Quận Ba Đình – Thành Phố Hà Nội .

Khu đất xây dựng Bảo tàng văn hóa các dân tộc tây bắc như sau:

+ Phía đông nam giáp với đường Láng Hạ .

+ Phía tây nam giáp với hồ Thành Công .

+ Phía tây bắc và đông bắc giáp với đường Thành Công .

Diện tích khu đất : 3,2 ha

Tầng cao tối đa là 3 tầng.

Mật độ xây dựng tối đa là 30% .

- Hệ thống kỹ thuật trong bảo tàng

Bảo tàng văn hóa các dân tộc tây bắc gồm các khu vực sau:

- Với khu vực trưng bày : Các hệ thống chiếu sáng, chống cháy, kiểm soát an ninh camera , camera, hồng ngoại thông gió , thông gió điều hoà không khí hút, hút ẩm ki, kiểm tra nồng độ và chất lượng không khí...

- *Với khu vực bảo quản hiện vật, kho tàng* : Cũng được trang bị các hệ thống kỹ thuật tương tự như khu vực trưng bày, song tính trang trí và mỹ thuật đơn giản hơn, nhưng không gian lại có thể có nhiều máy móc thiết bị phục vụ cho việc phục chế, gìn giữ, bảo quản hiện vật.

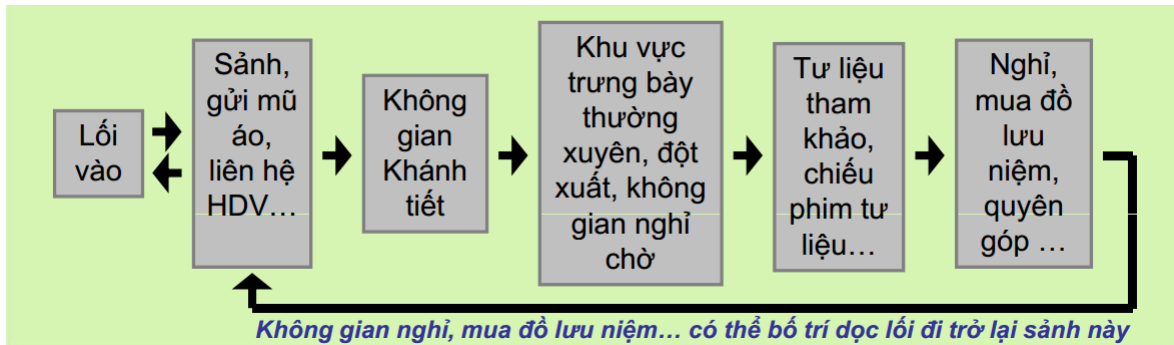
- *Với khu vực nghiên cứu, học tập, đào tạo* : Tương tự các không gian có chức năng tương tự trong các công trình khác. Lưu ý phòng chiếu phim tư liệu phải được kết nối với luồng khách thăm quan, có thể bố trí xen kẽ, đầu hoặc cuối dãy chuyên thăm quan tùy yêu cầu trưng bày.

- *Với khu vực hành chính* : Tương tự các khối là không gian làm việc khác.

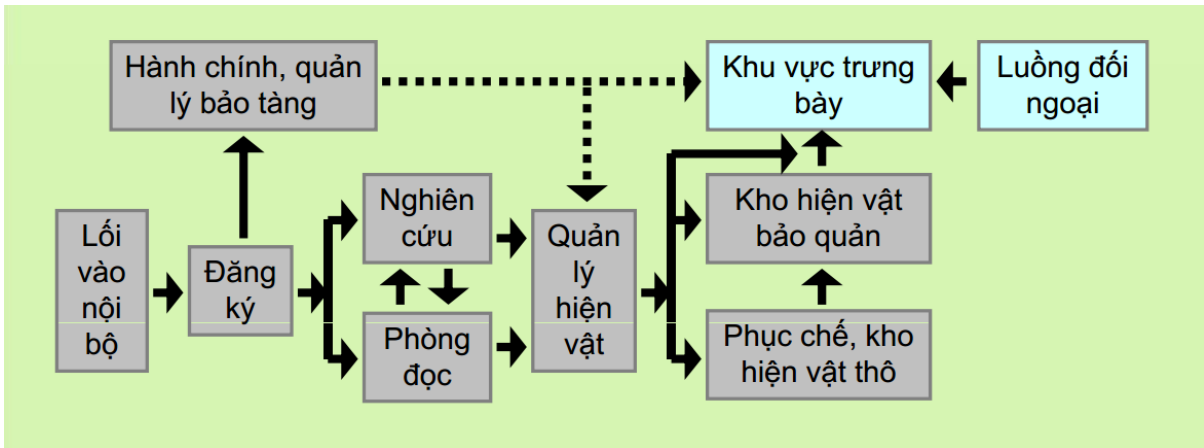
Sự liên hệ giữa các khu chức năng :

Bảo tàng là công trình công cộng có đối tượng sử dụng vừa mở vừa khép kín. Mở đối ngoại với khách ở các khu vực trưng bày, và khép kín với khu vực riêng biệt dành cho nhân viên và các nhà nghiên cứu.

Luồng đối ngoại trong nhà bảo tàng được xác định như sau :



Luồng đối nội trong nhà bảo tàng được xác định như sau :



Nhiệm vụ thiết kế cụ thể:

Sân bãi , quảng trường :

+ Bãi đỗ xe chính : 1000m²

+ Bãi đỗ xe nội bộ : 600 m²

+ Sân lễ hội : 3500 m²

Khu vực tiếp đón :

+ Sân tiếp đón 250m²

+ Gửi đồ :50m²

+ Thuyết minh 50 m²

+ Caffe : 300m²

+Lưu niệm : 260m²

[Type here]

+ Thư viện :180m²

+ wc : 36m²

Khu vực trưng bày :

- Không gian khánh tiết : 700m²

- Không gian trưng bày thường xuyên (cố định): tầng 2: 1720 m² và tầng 3: 1410 , theo 5 chủ đề : Trang phục , đời sông thường ngày , đời sống xã hội , tôn giáo và nghệ thuật biểu diễn .

- Không gian trưng bày định kỳ (thay đổi) : 500-600m²

- Các không gian đệm (chuyển tiếp và nghỉ chân) : 60-90m² / 1 không gian

- Diện tích trưng bày tự do (có thể hiểu như một “vùng ảo” tái hiện những góc cạnh biến đổi của đời sống nhân loại dưới tác động của truyền thông, thông qua sự tương tượng của các nghệ sĩ...”Vùng ảo” là khái niệm trưng bày mới, triển lãm “động”, đưa người xem vào vị trí trung tâm của hoạt động, sử dụng nhiều thiết bị hiện đại và kỹ xảo kỹ thuật, đòi hỏi hệ thống kỹ thuật và không gian hỗ trợ lớn. Không như khu vực trưng bày định kỳ hay thường xuyên, “Vùng ảo” không phải là bất biến và thường được làm mới mỗi chu kỳ từ 1 đến 3 năm)

Khu vực hội thảo

+ Hội trường 150 chỗ :575 m²

+Hội thảo: 180 m²

+Hội thảo nhỏ: 60 m²

+Phục vụ hội thảo : 50 m²

Khu hành chính .

+ Sảnh : 36 m²

+P. Giám đốc :54m²

+P.Phó giám đốc :36m²

+P. kế hoạch tổng hợp :36 m²

+P. Hành chính kế toán :36m²

[Type here]

+P.nghỉ nhân viên :36m²

+Phòng họp :180 m²

+wc :36m²

Khu kỹ thuật nghiệp vụ

+ Sảnh nhập hàng : 84m²

+Phân loại thâm định : 64 m²

+Kho tạm : 62m²

+Kho đặc biệt :32 m²

+Kho hóa chất : 42 m²

+Kho dụng cụ : 32 m²

+Xưởng mộc : 28m²

+Phục chế cổ vật: 32 m²

+Điều khắc :36m²

+Phiên bản :45m².

- Yêu cầu về quy hoạch, cảnh quan và thiết kế kiến trúc công trình.

Yêu cầu về quy hoạch

+ Quy hoạch tổng mặt bằng phải được nghiên cứu cụ thể trong mối tương quan, phù hợp với quy hoạch chung/ Quy hoạch chi tiết của khu vực.

+ Quy hoạch tổng mặt bằng phải theo đúng nhu cầu sử dụng của thực tế có tính đến sự phát triển trong tương lai.

+ Quy hoạch kiến trúc

+ Cảnh quan mang tính hiện đại, phù hợp với quy hoạch

+ Cảnh quan của các dự án lân cận, tạo nên một tổng thể thống nhất, hài hòa với các công trình trong khu vực.

+ Quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật phải đảm bảo việc kết nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung có tính đến dự trữ phát triển trong tương lai.

[Type here]

Yêu cầu về thiết kế kiến trúc - Công trình phải có kiến trúc đặc trưng, độc đáo

+ Tổ chức mặt bằng và giao thông hợp lý tiện sử dụng. Sử dụng tối ưu các điều kiện tự nhiên..

+ Hình thức kiến trúc đẹp, tổ chức không gian linh hoạt, tỷ lệ công trình hài hoà thể hiện tính hiện đại và là biểu tượng của tỉnh Quảng Ninh.

Yêu cầu về kỹ thuật công trình

+ Kết cấu: Công trình có kết cấu mới, bền vững, hiện đại, phù hợp với vùng biển, sử dụng tối đa các vật liệu địa phương .